

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
VỀ CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG
Năm: 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Tên tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG (viết tắt: ĐHKG)
- Tên tiếng Anh: KIEN GIANG UNIVERSITY (viết tắt: KGU)

2. Địa chỉ: Số 320A - Quốc lộ 61, xã Châu Thành, tỉnh An Giang.

(địa chỉ cũ: Số 320A - Quốc lộ 61, thị trấn Minh Lương, Châu Thành, Kiên Giang).

3. Loại hình tổ chức:

Trường đại học công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

a) Sứ mạng

Trường Đại học Kiên Giang là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học, có tri thức, đạo đức nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội, thích ứng nhanh yêu cầu phát triển khoa học công nghệ là nơi tổ chức triển khai, thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ hiệu quả, góp phần quan trọng làm tăng cơ hội việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Kiên Giang, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước là nơi gắn kết toàn thể giảng viên, cán bộ và sinh viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu sáng tạo khoa học, phục vụ lợi ích cho cộng đồng.

b) Tầm nhìn

Phấn đấu đến năm 2030 và những năm tiếp sau, Trường Đại học Kiên Giang là trường đào tạo đa ngành, đa cấp, đa hệ, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chất lượng cao theo định hướng ứng dụng, có uy tín, môi trường học tập và làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, thân thiện, cơ sở vật chất khang trang, hiện đại thuộc nhóm các trường đại học đào tạo theo định hướng ứng dụng khá của cả nước.

c) Mục tiêu

Trường Đại học Kiên Giang luôn nỗ lực phấn đấu hướng tới mục tiêu đào tạo người học có tri thức khoa học, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm,

trở thành người công dân có ích cho bản thân, gia đình, cộng đồng và thành công trong cuộc sống. Để thực hiện tốt sứ mệnh cao cả của mình, Nhà trường quyết tâm xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh, gìn giữ, phát huy, đề cao những giá trị cốt lõi như là khẩu hiệu hành động, là sức mạnh, ý chí phấn đấu vươn lên. Giá trị cốt lõi đó là:

Tận tâm – Uy tín – Chất lượng – Hội nhập

Giá trị cốt lõi tạo nên uy tín, thương hiệu, hình ảnh Trường Đại học Kiên Giang, là niềm tự hào, vinh dự của tất cả viên chức, người lao động và sinh viên trong Nhà trường.

d) Triết lý giáo dục

Trong mọi thời đại, giáo dục và đào tạo là nền tảng của sự phát triển xã hội. Kết quả của giáo dục và đào tạo không chỉ làm cá nhân phát triển, hướng tới cuộc sống tốt hơn mà còn thúc đẩy sự phát triển của toàn xã hội.

Nhằm hoàn thiện tâm lực, trí lực, thể lực, làm tròn trách nhiệm với bản thân, với gia đình, xã hội, với thiên nhiên, con người phải học tập, rèn luyện thường xuyên, suốt đời, đặc biệt trong điều kiện biến đổi nhanh chóng của khoa học công nghệ và sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng 4.0 hiện nay. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Kiên Giang là “Tạo môi trường học tập chất lượng vì sự phát triển cộng đồng”.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Trường Đại học Kiên Giang:

Ngày 04 tháng 6 năm 2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1704/QĐ-BGDĐT thành lập Phân hiệu Kiên Giang của Trường Đại học Thủy sản (nay là Trường Đại học Nha Trang).

Ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 758/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Kiên Giang trên cơ sở Phân hiệu Trường Đại học Nha Trang tại Kiên Giang.

Đến năm 2022, Nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ kiểm định lần thứ nhất theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học. Với kết quả này, Nhà trường đang từng bước thực hiện quyền tự chủ trong học thuật, tài chính, tổ chức bộ máy.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: **TS. Nguyễn Văn Thành**
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Số 320A, quốc lộ 61, xã Châu Thành, tỉnh An Giang.
- Điện thoại: 0297.3.926.714
- Địa chỉ thư điện tử: nvthanh@vnkgu.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của Nhà trường:

- Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiên Giang.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, Nhà trường:

- Quyết định số 1252/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang nhiệm kỳ 2024 – 2029.

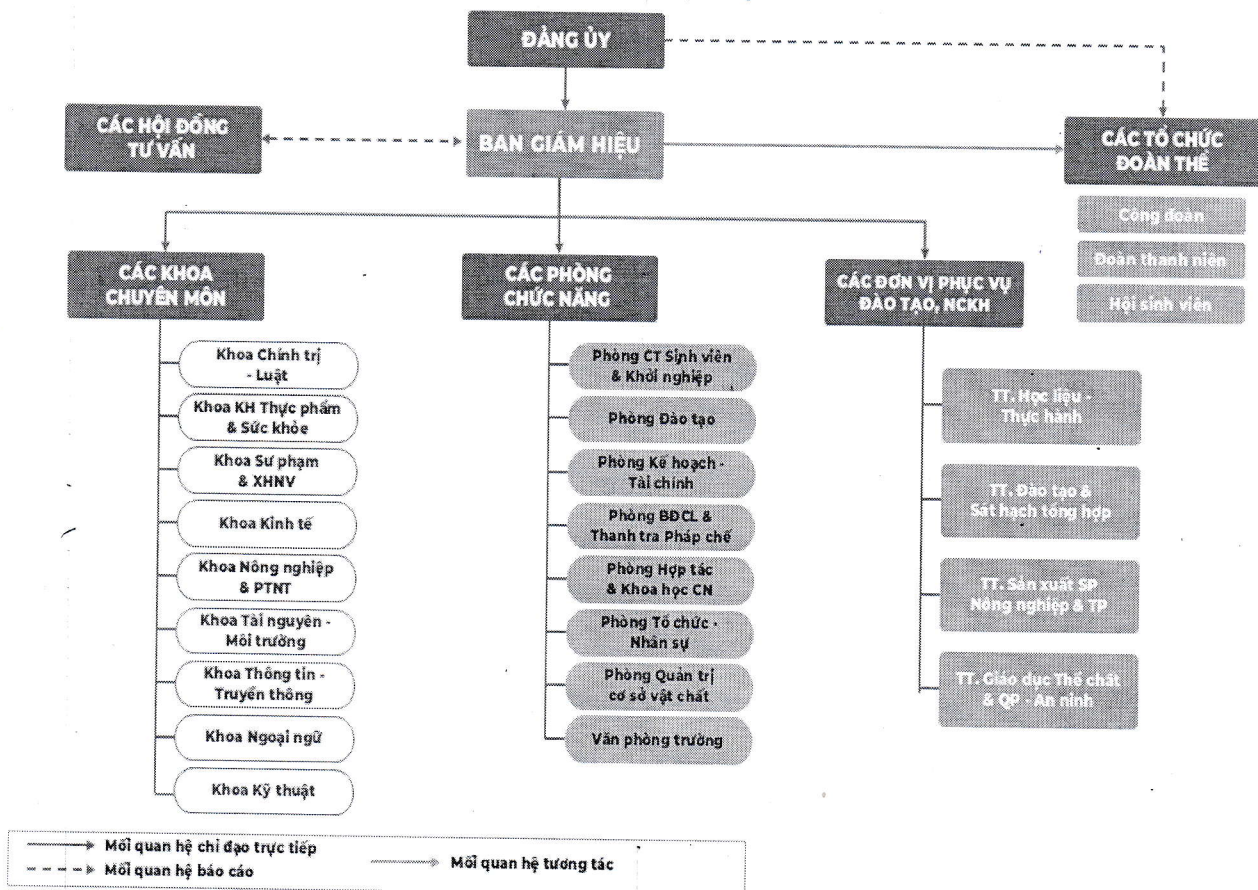
- Nghị quyết số 53/NQ-HĐT ngày 20 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà trường và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của Nhà trường:

- Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 18 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiên Giang.

* Sơ đồ tổ chức bộ máy của Nhà trường

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG



d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

- Quyết định số 681/QĐ-ĐHKG ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc Sáp nhập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Thanh tra – Pháp chế thành Phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra – Pháp chế.

- Quyết định số 682/QĐ-ĐHKG ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc Sáp nhập Trung tâm Quản lý Thực hành và Thí nghiệm; Trung tâm Thông tin và Thư viện thành Trung tâm Học liệu – Thực hành.

- Quyết định số 683/QĐ-ĐHKG ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc Sáp nhập Phòng Công tác sinh viên và Kết nối cộng đồng; Trung tâm Ứng dụng công nghệ và Khởi nghiệp thành Phòng Công tác sinh viên và Khởi nghiệp.

- Quyết định số 529/QĐ-ĐHKG ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc giải thể Trung tâm Dịch vụ trường học trực thuộc Trường Đại học Kiên Giang.

- Quyết định số 552/QĐ-ĐHKG ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc chuyển Trung tâm Đào tạo và Sắt hạch tổng hợp thành đơn vị thuộc Trường Đại học Kiên Giang.

- Quyết định số 743/QĐ-ĐHKG ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc thành lập Trung tâm Sản xuất sản phẩm Nông nghiệp và Thực phẩm trực thuộc Trường Đại học Kiên Giang.

- Quyết định số 714/QĐ-ĐHKG ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc thành lập Trung tâm Giáo dục Thể chất – Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Kiên Giang.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của nhà trường (nếu có):

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Đại học Kiên Giang – Số 320A, quốc lộ 61, xã Châu Thành, tỉnh An Giang.

Điện thoại: 0297.3.926.714

TT	Họ và tên	Chức vụ	Địa chỉ thư điện tử
I	Đảng ủy Trường và Ban Giám hiệu		
1	Ông Nguyễn Hữu Thọ	Bí thư Đảng ủy	nhtho@vnkgu.edu.vn
2	Ông Nguyễn Văn Thành	Hiệu trưởng - Kiêm Giám đốc TT. GDTC&QP-AN	nvthanh@vnkgu.edu.vn
3	Ông Nguyễn Trung Cang	Phó Hiệu trưởng – Kiêm Trưởng khoa Chính trị - Luật	ntcang@vnkgu.edu.vn

II Các đơn vị trực thuộc			
Các đơn vị chức năng			
1	Ông Lê Việt Khái	Trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên và Khởi nghiệp	lvkhai@vnkgu.edu.vn
2	Ông Nguyễn Vương	Trưởng phòng Phòng Kế hoạch – Tài chính	nvuong@vnkgu.edu.vn
3	Ông Vũ Ngọc Phước	Trưởng phòng Phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra – Pháp chế	vnphuoc@vnkgu.edu.vn
4	Bà Phạm Thị Hồng Như	Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Nhân sự	pthnhu@vnkgu.edu.vn
5	Ông Phan Thanh Vũ	Giám đốc TT. Đào tạo & Sát hạch tổng hợp	ptvu@vnkgu.edu.vn
6	Bà Trần Thị Ánh	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Đào tạo	ttanh@vnkgu.edu.vn
7	Bà Võ Xuân Huyền	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Hợp tác và Khoa học công nghệ	vxhuyen@vnkgu.edu.vn
8	Ông Tiêu Đình Luân	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Quản trị cơ sở vật chất	tdluan@vnkgu.edu.vn
9	Ông Trần Văn Phúc	Phó Chánh văn phòng phụ trách Văn phòng Trường	tvphuc@vnkgu.edu.vn
10	Bà Lê Hoàng Phương	Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Học liệu – Thực hành Kiêm Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Sản xuất SPNN&TP	lhphuong@vnkgu.edu.vn
Các khoa chuyên môn			
1	Ông Ngô Văn Thiện	Trưởng khoa Khoa Kinh tế	nvthien@vnkgu.edu.vn
2	Ông Đỗ Lê Bình	Trưởng khoa Khoa Kỹ thuật	dlbinh@vnkgu.edu.vn
3	Ông Dương Văn Nhã	Trưởng khoa Khoa Nông nghiệp và phát triển nông thôn	dvnya@vnkgu.edu.vn
4	Ông Nguyễn Văn Thống	Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Ngoại ngữ	nvthong@vnkgu.edu.vn
5	Ông Nguyễn Văn Thuận	Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Khoa học thực phẩm & Sức khỏe	nvthuan@vnkgu.edu.vn
6	Ông Nguyễn Thanh Sang	Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Sư phạm và xã hội nhân văn	ntsang@vnkgu.edu.vn
7	Bà Đặng Thị Hồng Ngọc	Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Tài nguyên – Môi trường	dthngoc@vnkgu.edu.vn
8	Ông Huỳnh Minh Trí	Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Thông tin & truyền thông	hmtri@vnkgu.edu.vn

8. Các văn bản khác:

- Chiến lược phát triển Trường:

+ Nghị quyết số 37/NQ-HĐT ngày 26/5/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang nhiệm kỳ 2024-2029 về việc sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển Trường Đại học Kiên Giang giai đoạn 2020-2023, tầm nhìn đến năm 2040.

- Quy chế dân chủ:

+ Nghị Quyết số 27/NQ-HĐT ngày 18/3/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở của Trường ĐHKG.

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính:

+ Quyết định số 07/QĐ-ĐHKG ngày 07/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định thực hiện Đề tài tốt nghiệp, chuyên đề tốt nghiệp tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 151/QĐ-ĐHKG ngày 21/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 162/QĐ-ĐHKG ngày 23/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi, câu hỏi thi kết thúc học phần tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 192/QĐ-ĐHKG ngày 14/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 232/QĐ-ĐHKG ngày 28/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 18/3/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế tài chính Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 339/QĐ-ĐHKG ngày 01/4/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế chỉ tiêu nội bộ của Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 359/QĐ-ĐHKG ngày 08/4/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy trình thực hiện các kế hoạch hoạt động của Trường Đại học Kiên Giang theo chu trình PDCA.

+ Quyết định số 418/QĐ-ĐHKG ngày 24/4/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy trình quản lý và triển khai thực hiện đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp trường.

+ Quyết định số 438/QĐ-ĐHKG ngày 05/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy trình mở ngành đào tạo tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 446/QĐ-ĐHKG ngày 08/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định quản lý, sử dụng xe ô tô của Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 450/QĐ-ĐHKG ngày 08/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định về việc làm thêm giờ tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 483/QĐ-ĐHKG ngày 21/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình lập dự trù kinh phí, tạm ứng và thanh toán tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Nghị quyết số 37/NQ-HĐT ngày 26/5/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang về việc sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển Trường Đại học Kiên Giang giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn đến năm 2040.

+ Quyết định số 553/QĐ-ĐHKG ngày 09/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy trình phối hợp thực hiện công tác tuyển sinh của Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 586/QĐ-ĐHKG ngày 23/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế thi sơ tuyển môn bổ trợ phục vụ tuyển sinh đào tạo trình độ đại học chính quy tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 605/QĐ-ĐHKG ngày 27/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định công tác thỉnh giảng tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 758/QĐ-ĐHKG ngày 10/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh của Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 796/QĐ-ĐHKG ngày 22/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 845/QĐ-ĐHKG ngày 11/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định công tác Cố vấn học tập tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 870/QĐ-ĐHKG ngày 19/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định về công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống thiên tai, phòng cháy chữa cháy và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

+ Quyết định số 871/QĐ-ĐHKG ngày 19/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 872/QĐ-ĐHKG ngày 20/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình lập dự trù kinh phí, tạm ứng và thanh toán tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 1000/QĐ-ĐHKG ngày 01/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy trình đăng ký học phần tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 1001/QĐ-ĐHKG ngày 01/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định liên chính học thuật trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

+ Quyết định số 1022/QĐ-ĐHKG ngày 06/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định tổ chức thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 1073/QĐ-ĐHKG ngày 17/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy trình tổ chức nhập học tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 1095/QĐ-ĐHKG ngày 20/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với người học trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy.

+ Quyết định số 1143/QĐ-ĐHKG ngày 29/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy trình tiếp nhận viên chức và giải quyết viên chức xin chuyển công tác tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 1200/QĐ-ĐHKG ngày 14/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định về hồ sơ công tác của giảng viên tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 1269/QĐ-ĐHKG ngày 04/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy trình thực hiện kê khai tài sản, thu nhập tại Trường Đại học Kiên Giang.

VÀ
NG
QC
AN

+ Quyết định số 1310/QĐ-ĐHKG ngày 12/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc sửa đổi Quyết định số 1269/QĐ-ĐHKG ngày 04/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy trình thực hiện kê khai tài sản, thu nhập tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 1320/QĐ-ĐHKG ngày 16/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy trình mượn, trả tài liệu tại Trung tâm Học liệu - Thực hành Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 1331/QĐ-ĐHKG ngày 18/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp và nâng bậc lương trước thời hạn tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 1357/QĐ-ĐHKG ngày 31/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ tại Trường Đại học Kiên Giang.

+ Quyết định số 1382/QĐ-ĐHKG ngày 31/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định Quản lý biên lai thu tiền tại Trường Đại học Kiên Giang.

- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

+ Nghị Quyết số 33/NQ-HĐT ngày 11/4/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Chính sách thu hút nguồn nhân lực năm 2025.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	27,5	25,1
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	86,43%	100%
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	22,62%	21,2%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
I	Giảng viên toàn thời gian	221	3	168	50	1	
1	Lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20	3	11	6		
2	Lĩnh vực kinh doanh quản lý	39	-	31	8		
3	Lĩnh vực pháp luật	19	-	18	1		
4	Lĩnh vực khoa học sự sống	14	-	9	5		
5	Lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin	15	-	11	4		

6	Lĩnh vực công nghệ kỹ thuật	25	-	22	3		
7	Lĩnh vực kỹ thuật	6	-	4	2		
8	Lĩnh vực sản xuất và chế biến	18	-	12	6		
9	Lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản	18	-	13	5		
10	Lĩnh vực du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	6	-	5	1		
11	Lĩnh vực nhân văn	25	-	20	5	1	
12	Lĩnh vực báo chí và thông tin	10	-	8	2		
13	Lĩnh vực môi trường và bảo vệ môi trường	6	-	4	2		
II	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	191	3	138	50	1	
1	Lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	18	3	9	6		
2	Lĩnh vực kinh doanh quản lý	31	-	23	8		
3	Lĩnh vực pháp luật	17	-	16	1		
4	Lĩnh vực khoa học sự sống	13	-	8	5		
5	Lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin	13	-	9	4		
6	Lĩnh vực công nghệ kỹ thuật	23	-	20	3		
7	Lĩnh vực kỹ thuật	6	-	4	2		
8	Lĩnh vực sản xuất và chế biến	17	-	11	6		
9	Lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản	14	-	9	5		
10	Lĩnh vực du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	5	-	4	1		
11	Lĩnh vực nhân văn	23	-	18	5	1	
12	Lĩnh vực báo chí và thông tin	6	-	4	2		
13	Lĩnh vực môi trường và bảo vệ môi trường	5	-	3	2		



3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	22	24
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	83	85
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	55,26	59,56

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m ²)	76,7m ²	86,72m ²
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	10,82m ²	13,32m ²
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	273,31	273,72
5	Số bản sách/người học	9,9	10,3
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	72,4%	88,4%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	1.170 Mbps	1.100 Mbps

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Số 320A - Quốc lộ 61, xã Châu Thành, tỉnh An Giang (địa chỉ cũ: Số 320A – Quốc lộ 61, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang)	537.326,3	121.065
Tổng cộng			537.326,3	121.065

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

Không có hạng mục cơ sở vật chất nào được đầu tư mới trong năm 2025.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng (CEA – UD)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

- Mức độ đạt kiểm định:

- + Đảm bảo chất lượng về chiến lược: 3,92 điểm
- + Đảm bảo chất lượng về hệ thống: 3,95 điểm
- + Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: 3,88 điểm
- + Kết quả hoạt động: 3,81 điểm

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 20 tháng 7 năm 2022 đến ngày 20 tháng 7 năm 2027.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7510103	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Đào tạo trình độ Đại học	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn (CEA-SAIGON)	28/12/2022 đến 28/12/2027
2	7540101	Công nghệ thực phẩm			
3	7480201	Công nghệ thông tin			
4	7340301	Kế toán			
5	7220201	Ngôn ngữ Anh			
6	7140209	Sư phạm Toán học			16/11/2023 đến 16/11/2028
7	7380101	Luật			
8	7620301	Nuôi trồng thủy sản			
9	7340101	Quản trị kinh doanh			
10	7850101	Quản lý Tài nguyên – Môi trường			
11	7810101	Du lịch			26/12/2025 đến 25/12/2023
12	7340201	Tài chính – Ngân hàng			

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liên kề năm báo cáo
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	63,4%	68,7%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	59,4%	60,7%
3	Tỉ lệ thôi học	7,15%	3,68%
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	9,55%	7,11%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	63,5%	72,10%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	51,9%	59,90%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	90,9%	75,10%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	86,1%	74%
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	95%	97,60%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học				
1	Lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	417	179	34	94%
	Chính quy	407	179	34	
	Vừa làm vừa học	10	-	-	
	Đào tạo từ xa	-	-	-	
2	Lĩnh vực kinh doanh quản lý	1947	560	345	95%
	Chính quy	1877	560	343	
	Vừa làm vừa học	70	-	2	
	Đào tạo từ xa	-	-	-	
3	Lĩnh vực pháp luật	716	170	90	94%
	Chính quy	575	170	85	
	Vừa làm vừa học	141	-	5	
	Đào tạo từ xa	-	-	-	
4	Lĩnh vực khoa học sự sống	79	26	6	100%
	Chính quy	79	26	6	
	Vừa làm vừa học	-	-	-	
	Đào tạo từ xa	-	-	-	

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
5	Lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin	903	199	102	95%
	Chính quy	877	199	100	
	Vừa làm vừa học	26	-	2	
	Đào tạo từ xa	-	-	-	
6	Lĩnh vực công nghệ kỹ thuật	902	243	67	96%
	Chính quy	886	243	65	
	Vừa làm vừa học	16	-	2	
	Đào tạo từ xa	-	-	-	
7	Lĩnh vực Kỹ thuật	117	37	5	100%
	Chính quy	117	37	5	
	Vừa làm vừa học	-	-	-	
	Đào tạo từ xa	-	-	-	
8	Lĩnh vực sản xuất và chế biến	194	51	23	96%
	Chính quy	194	51	23	
	Vừa làm vừa học	-	-	-	
	Đào tạo từ xa	-	-	-	
9	Lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản	276	49	25	96%
	Chính quy	235	49	25	
	Vừa làm vừa học	41	-	-	
	Đào tạo từ xa	-	-	-	
10	Lĩnh vực du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	349	151	23	96%
	Chính quy	349	151	23	
	Vừa làm vừa học	-	-	-	
	Đào tạo từ xa	-	-	-	
11	Lĩnh vực nhân văn	548	146	120	95%
	Chính quy	539	146	82	
	Vừa làm vừa học	9	-	38	
	Đào tạo từ xa	-	-	-	

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
12	Lĩnh vực báo chí và thông tin	232	128	-	-
	Chính quy	232	128	-	
	Vừa làm vừa học	-	-	-	
	Đào tạo từ xa	-	-	-	
13	Lĩnh vực môi trường và bảo vệ môi trường	206	61	18	94%
	Chính quy	206	61	18	
	Vừa làm vừa học	-	-	-	
	Đào tạo từ xa	-	-	-	
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)	-	-	-	-
	Chưa đào tạo				
III	Tiến sĩ	-	-	-	-
	Chưa đào tạo				

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	0	0
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,55	0,53
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0	0

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	1	800.000.000
3	Đề tài cấp cơ sở	26	759.055.000
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số	27	1.559.0550.000

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	58	54
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	56	53
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	0	3
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	28,95%	26,52%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	46,76%	28,11%

2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	150.791	120.16
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	21.747	22.78
II	Thu giáo dục và đào tạo	123.392	94.96
1	Học phí, lệ phí từ người học	109.377	89.32
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	6.144	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác	7.871	5.64
III	Thu khoa học và công nghệ	5.652	2.42
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	1.516	2.42
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	4.136	0
3	Thu khác	0	0
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	0	0

B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	109.375	84.29
I	Chi lương, thu nhập	61.913	37.38
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	42.101	25.15
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	19.812	12.23
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	38.22	39.76
1	Chi cho đào tạo	10.931	10.15
2	Chi cho nghiên cứu	5.698	2.13
3	Chi cho phát triển đội ngũ	0	0
4	Chi phí chung và chi khác	21.591	27.48
III	Chi hỗ trợ người học	9.242	7.15
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập (HBKKHT)	9.242	7.15
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0	0
3	Chi hoạt động khác	0	0
	Hỗ trợ sinh viên quốc tế		
IV	Chi khác	0	0
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	41.42	35.87

Trên đây là báo cáo thường niên về công khai trong hoạt động của Trường Đại học Kiên Giang. Báo cáo được niêm yết trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ <https://vnkgu.edu.vn>.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng;
- Website Trường;
- Lưu: VT, BDCL&TT-PC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trung Cang